TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ–ST
Ngày: 28-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1999;

Cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Ấp X, xã Y, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung

sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi do anh T không làm ăn, chăm lo gia đình. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018 hiện nay đang sống với chị. Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2020, bị đơn - anh Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N chung sống vợ chồng từ năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh thừa nhận do anh không lo làm ăn xây dựng gia đình nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018. Anh đồng ý giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu K thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N và bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu K thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị N, anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018. Xét yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp vì hiện nay cháu K đang sinh sống ổn định với chị N, mặt khác chị N và anh T đã thống nhất giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu K thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K thành niên.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Tuyết N và các thành viên trong gia đình không có quyền cản trở. Anh Nguyễn Thanh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0004036 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh- Đã ký